TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 22-4-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Hiếu Trung

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Lịch - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc *"tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và hụi"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **D** (tên gọi khác: P), sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số A, ấp Đ, xã T, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **C**, sinh năm 19yy.

Địa chỉ: số A1, ấp Đ1, xã T, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **N**, sinh năm 19zz.

Địa chỉ: số A1, ấp Đ1, xã T, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/3/2019, các lời khai tiếp theo, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà D trình bày:*

Nguyên trước đây khoảng từ năm 2015 đến năm 2017, bà D (tên gọi khác là P) có cho vợ chồng ông C, bà N vay tiền và tham gia chơi hụi do bà D làm chủ nhiều lần, đến ngày 05/10/2017 hai bên thống nhất tổng kết ông C, bà N còn nợ tiền hụi và tiền vay của bà D là 218.900.000 đồng, nhưng ông C làm tròn thành 220.000.000 đồng. Việc tổng kết nợ này có làm giấy tờ nhưng chỉ lập 01 bản, có ông C và bà N ký tên, bản chính do bà D giữ. Từ khi tổng kết nợ, đến ngày 09/10/2018 âm lịch ông C có trả được một lần 195.000.000 đồng, khi trả bà D không có làm giấy tờ biên nhận cho ông C. Còn lại 25.000.000 đồng ông C có viết lại nội dung còn nợ bà D 25.000.000đồng chung với biên nhận tổng kết nợ 218.900.000đồng nhưng bà D đã yêu cầu ông C gạch bỏ phần nội dung này vì ông C không ghi thời hạn trả nợ. Đến ngày 17/11/2018 bà D đến gặp ông C tại nhà của bà L (là người nhận chuyển nhượng đất của ông C) để yêu cầu ông C viết lại biên nhận mới vì nội dung biên nhận cũ ngày 09/10/2018 âm lịch ông C ghi không rõ ràng, nội dung biên nhận mới là ông C còn nợ bà D 25.000.000đồng. Bà D xác định biên nhận ngày 17/11/2018 là biên nhận được viết lại từ biên nhận tổng kết nợ ngày 05/10/2017 của số tiền nợ vay và hụi 218.900.000đồng cũ trước đây chứ giữa các bên không có giao dịch gì mới. Hiện nay các giấy tờ liên quan đến việc chơi hụi và vay tiền của ông C bà D không còn lưu giữ do giữa các bên đã tổng kết nợ.

Đối với việc ông C cho rằng đã trả nợ cho bà D đủ 218.900.000đồng là không đúng. Bà D thừa nhận trước đây có mua cỏ của ông C 01 lần. Tại phiên tòa bà D thừa nhận mua cỏ ông C 02 lần, nhưng do thời gian đã lâu bà D không nhớ cụ thể mua bao nhiêu cỏ và bao nhiêu tiền vì không có làm giấy tờ và khi mua bà D trả tiền mặt ngay chứ không có trừ nợ, số tiền mua cỏ của ông C có 01 lần khoảng trên 5.000.000đồng, còn một lần không nhớ bao nhiêu tiền. Ngoài ra, bà D có nhận ông C trả số tiền 5.000.000 đồng không có làm giấy tờ nhưng đây là tiền hụi ông C đóng cho bà D, đóng dây hụi 5.000.000 đồng, không phải tiền ông C trả nợ. Như vậy, ông C nợ bà D 218.900.000đồng nhưng chỉ trả được 195.000.000đồng nên hiện ông C vẫn còn nợ lại bà D 25.000.000đồng chưa trả.

Do đó, nay bà D yêu cầu ông C có trách nhiệm trả cho bà D theo biên nhận ngày 17/11/2018 số tiền còn nợ là 25.000.000 đồng và tiền lãi 03 tháng tính từ ngày 18/11/2018 đến ngày 18/02/2019 theo lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 622.500 đồng. Tổng cộng vốn và tiền lãi 25.622.500 đồng. Bà D không yêu cầu bà N liên đới trả nợ. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

** Tại các biên bản ghi lời khai của bị đơn ông C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N và tại phiên tòa ông C trình bày:*

Ông C, bà N thừa nhận là trước đây có giao dịch vay tiền và tham gia chơi hụi do bà D làm chủ nhiều lần, không nhớ vay và tham gia bao nhiêu dây hụi, nhưng ngày 05/10/2017al hai bên tổng kết nợ vay và tính luôn hụi chết đến tháng

10 năm 2018 kết thúc hụi ông C, bà N còn nợ bà D số tiền là 218.900.000 đồng. Việc tổng kết nợ này bà D có lập giấy tờ và ông C, bà N có ký tên.

Sau khi tổng kết nợ ngày 05/10/2017, ông C có trả tiền và bán cỏ cho bà D để trừ nợ, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 05 và 06/4/2018, bán 1.080m cỏ cho bà D số tiền được 12.312.000đồng ông C có ghi sổ theo dõi và có người làm chứng anh N1, chị N2 là người mua cỏ ông C.

- Lần 2: Trong các ngày 24/6/2018, 27/6/2018, 04/7/2018 và ngày 06/7/2018 bán 750m cỏ cho bà D số tiền 8.550.000 đồng, ông C có ghi sổ và có người làm chứng là anh H người bà D thuê bứng cỏ.

- Lần 3: Ngày 08/7/2018 âm lịch ông C có vào nhà bà D trả số tiền 5.000.000 đồng. Bà D nhận tiền nhưng không có làm giấy tờ gì cho ông C nên ông C có ghi sổ sách theo dõi và bà D đã thừa nhận tại Tòa án nhưng cho rằng nhận tiền hụi của dây hụi 5.000.000 đồng trước đó là không đúng.

Tổng cộng 3 lần ông C trả cho bà D được số tiền 12.312.000 đồng + 8.550.000 đồng + 5.000.000 đồng = 25.862.000 đồng. Các lần bán cỏ và trả tiền bà D không có làm giấy tờ gì cho ông C nên ông C có ghi lại sổ để theo dõi và có người làm chứng như đã nêu trên.

- Lần 4: Ngày 08/10/2018al ông Cco trả cho bà D số tiền còn lại là 195.000.000 đồng là dứt nợ nhưng bà D không trả biên nhận chính, cũng không ghi giấy tờ biên nhận tiền cho ông C nên ông Ch có lấy bút lông màu đen ghi dòng chữ *"thanh toán hụi rồi" và gạch dấu chéo* chồng lên biên nhận nợ 218.900.000đồng để chứng minh ông C trả nợ rồi và biên nhận bản chính này bà D không đưa ông C giữ mà do bà D giữ và hiện nay Tòa án đã thu thập được do bà D giao nộp.

Đối với biên nhận ngày 17/11/2018 thể hiện ông C có nợ bà D 25.000.000đồng mà bà D khởi kiện yêu cầu ông C trả nợ trong vụ kiện này là bà D yêu cầu ông C viết lại từ nội dung của biên nhận cũ nợ 218.900.000đồng, đã được ông C trả xong vào ngày 09/10/2018 âm lịch và đã được gạch xóa bỏ như đã trình bày trên chứ ông C không có giao dịch gì mới đối với bà D. Sỡ dĩ ông C viết biên nhận mới theo yêu cầu bà D là do tại thời điểm viết ông C đang tiến hành chuyển nhượng đất cho bà L. Bà D hăm dọa nếu ông C không viết lại biên nhận còn nợ 25.000.000đồng của bà D thì bà D sẽ làm đơn ngăn chặn không cho chuyển nhượng, sự việc này có anh N3 chứng kiến và bà D có nhắn tin cho bà L đòi ngăn chặn chuyển nhượng đất. Do lo sợ phải bồi thường tiền cọc cho bà L nếu không chuyển nhượng được vì chỉ còn 02 ngày nữa là bà L được nhận giấy CNQSDĐ theo giấy hẹn của Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân thành phố S nên trong tình thế ép buộc, tại nhà bà L ông C đồng ý viết lại nội dung theo yêu cầu của bà D. Nội dung viết lại biên nhận ngày 17/11/2018 là nội dung đã được gạch xóa tại phần cuối biên nhận nợ cũ 218.900.000đồng đã được thanh toán xong ngày

09/10/2018. Do đó, sau khi viết biên nhận này ông C không thực hiện trả nợ nên bà D lấy biên nhận ngày 17/11/2018 ra khởi kiện ông C.

Nay ông C, bà N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D vì khoản nợ 218.900.000đồng ông C đã trả xong theo biên nhận ngày 09/10/2018 âm lịch có thể hiện dòng chữ *"thanh toán hụi rồi" và đánh dấu gạch chéo* do ông C viết và gạch chéo xóa bỏ chồng lên biên nhận nợ 218.900.000đồng mà bà D giữ bản chính đã nộp cho Tòa án, còn biên nhận ngày 17/11/2018 mà bà D khởi kiện là do bà D yêu cầu viết lại từ nội dung biên nhận nợ cũ 218.900.000đồng chứ giữa ông C và bà D không còn phát sinh khoản nợ nào ngoài khoản nợ trên. Ngoài ra, ông C, bà N không còn yêu cầu gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sở thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều cơ bản đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đủ 15 ngày theo quy định nên kiến nghị khắc phục.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D. Buộc ông C có trách nhiệm trả cho bà D số tiền vốn vay, tiền hụi là 25.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 18/11/2018 đến ngày 18/02/2019 là 622.500 đồng. Tổng cộng là 25.622.500 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và nợ hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn ông C trả số tiền vốn vay, tiền hụi còn thiếu là 25.000.000 đồng và tiền lãi 03 tháng tính từ ngày 18/11/2018 đến ngày 18/02/2019 với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền 622.500 đồng. Tổng cộng vốn lãi 25.622.500đồng thể hiện theo biên nhận ngày 17/11/2018. Bà D không yêu cầu bà N liên đới trả nợ.

Ông C và bà N không đồng ý với yêu cầu của bà D vì ông C, bà N xác định đã trả xong nợ cho bà D. Trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D thì ông C cũng không yêu cầu bà N liên đới trả nợ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Tất cả các đương sự bà D, ông C, bà N đều thừa nhận trước đây ông C, bà N có vay tiền, tham gia chơi hụi do bà D làm chủ và các đương sự đều không xác định số tiền vay và tiền hụi là bao nhiêu của dây hụi nào và giao dịch phát sinh thời điểm nào và phía vợ chồng ông C đã đóng được bao nhiêu tiền hụi và trả được nhiêu tiền vay, vì khi trả nợ bà D không có làm giấy tờ. Tuy nhiên, bà D, ông C, bà N đều thống nhất thừa nhận ngày 05/10/2017 âm lịch giữa các bên có tổng kết nợ, theo đó ông C, bà N còn nợ bà D số tiền vay và hụi tổng cộng là 218.900.000 đồng và ông C, bà N có ký tên trong biên nhận tổng kết nợ này, ngoài ra các bên xác định ông C, bà N không còn nợ bà D khoản nợ nào khác.

Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tiền, nợ hụi giữa hai bên đương sự là có thật.

Như vậy, trên cơ sở thừa nhận của các đương sự, có đủ cơ sở xác định số tiền ông C, bà N nợ bà D tính đến ngày 05/10/2017 âm lịch là 218.900.000đồng thể hiện theo biên nhận ngày 05/10/2017 mà bà D cung cấp, ngoài khoản nợ này ông C, bà N không còn nợ bà D khoản nợ nào khác. Đồng thời, bà D, ông C, bà N đều xác định biên nhận ngày 17/11/2018 thể hiện ông C còn nợ bà D 25.000.000đồng mà bà D khởi kiện ông C trong vụ kiện này là biên nhận được viết lại từ biên nhận nợ cũ 218.900.000đồng đã được các bên xóa bỏ và ông C viết chồng lên biên nhận *"thanh toán hụi rồi"*.

[5] Xét thấy, sau khi hai bên tổng kết nợ 218.900.000đồng ngày 05/10/2017 ông C, bà N có trả được 195.000.000đồng cho bà D vào ngày 09/10/2018, vấn đề này được bà D thừa nhận nên ông C, bà N không cần phải chứng minh.

Còn lại 25.000.000đồng, bà D cho rằng ông C chưa trả thể hiện theo biên nhận ngày 17/11/2018. Còn ông C, bà N xác định đã trả xong số tiền 218.900.000đồng cho bà D thể hiện theo biên nhận tổng kết nợ 218.900.000đồng ngày 05/10/2017 có nội

dung ông C ghi *"thanh toán hụi rồi" và gạch dấu chéo* chồng lên biên nhận nợ này vào ngày 09/10/2018 âm lịch là ngày ông C trả số tiền lần sau cùng 195.000.000đồng cho bà D, biên nhận này do bà D giữ bản chính và Tòa án đã thu thập được do yêu cầu bà D giao nộp.

[6] Về phía ông C xác định đã trả 25.000.000đồng thông qua việc ông C bán cỏ cho bà D 02 lần trừ nợ và 01 lần ông C trả cho bà D 5.000.000đồng.

Qua HĐXX xem xét lời trình bày của ông C và qua xác minh thu thập chứng cứ thể hiện:

- Đối với 02 lần ông C bán cỏ cho bà D vào ngày 05 và 06/4/2018 số tiền 12.312.000đồng và trong các ngày 24/6/2018, 27/6/2018, 04/7/2018, 06/7/2018 số tiền 8.550.000 đồng, ông C có ghi sổ và có người làm chứng là anh H, anh N1 và chị N2 chứng kiến sự việc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình Tòa án làm việc bà D chỉ thừa nhận có mua cỏ của ông C 01 lần nhưng tại phiên tòa bà D thừa nhận có mua cỏ của ông C 02 lần vào khoảng năm 2017, không nhớ số tiền và thời gian mua cỏ vì không có làm giấy tờ và trả tiền mặt mua cỏ ngay chứ không có cấn trừ nợ. Lời khai của bà D trước sau không thống nhất, cụ thể tại biên bản lời khai ngày 02/4/2019 bà D trình bày mua cỏ 01 lần trị giá khoảng trên 5.000.000đồng, tại biên bản lời khai ngày 05/4/2019 bà D khai mua cỏ ông C khoảng 3- 4 triệu đồng và tại phiên tòa bà D thừa nhận có mua cỏ của ông C 02 lần chứ không phải một lần, thời gian mua 2017 không phải 2018, số tiền cụ thể bao nhiêu không nhớ. Như vậy, chứng tỏ bà D có mua 02 lần cỏ của ông C. Việc bà D cho rằng mua cỏ của ông C trả tiền liền nhưng không được ông C thừa nhận và bà D không có chứng cứ gì chứng minh. Mặt khác, tại thời điểm bà D mua cỏ của ông C thì ông C đang nợ bà D nên việc bà D cho rằng đã trả tiền mua cỏ cho ông C là không có căn cứ. Bên cạnh đó, qua Tòa án xác minh thu thập chứng cứ người làm chứng thể hiện có bứng cỏ nhà ông C giao cho bà D và có nghe nói là ông C bán cỏ cho bà D để trừ nợ và có một lần anh N1 và chị N2 bứng cỏ của ông C nhưng trả tiền cho bà D. Do đó, xét thấy việc ông C trình bày có bán cỏ cho bà D 02 lần để trừ nợ là có căn cứ. Về số tiền trừ nợ, ông C cho rằng 02 lần ông C bán cỏ cho bà D vào ngày 05 và 06/4/2018 số tiền 12.312.000đồng và trong các ngày 24/6/2018, 27/6/2018, 04/7/2018, 06/7/2018 số tiền 8.550.000 đồng, tổng cộng là 20.862.000đồng, ông C có ghi sổ theo dõi, bà D cho rằng trả tiền rồi nhưng không có chứng cứ chứng minh. Qua xem xét tài liệu chứng cứ ông C cung cấp sổ theo dõi việc bán 02 lần cỏ phù hợp với lời trình bày của người làm chứng anh H, anh N1 và chị N2 và trong biên nhận ngày 05/10/2017 âm lịch do bà D cung cấp thể hiện, tổng số nợ 218.900.000đ đã được ông C ghi *"thanh toán hụi rồi" và gạch chéo* viết chồng lên biên nhận tổng kết nợ 218.900.000đồng nên có đủ căn cứ xác định lời trình bày của ông C là có căn cứ.

- Đối với số tiền ông C trả cho bà D 5.000.000đồng vào ngày 08/7/2018 âm lịch, bà D không có làm giấy tờ nhưng ông C có ghi sổ theo dõi. Qua làm việc với bà D thì bà D thừa nhận có nhận của ông C 5.000.000đồng nhưng bà D cho rằng số tiền này là tiền ông C đóng hụi trước đó, của dây hụi 5.000.000 đồng. Như vậy, bà D không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là đây là tiền hụi nên việc ông C xác định có trả được cho bà D 5.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

- Tiếp đến ngày 09/10/2018 âm lịch ông C trả cho bà D 195.000.000đồng, bà D thừa nhận có nhận số tiền này của ông C nhưng không có làm giấy tờ gì cho ông C nên việc ông C trình bày có trả cho bà D 195.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, theo ông C trình bày do ông C đã trả đủ tiền cho bà D nhưng bà D không trả lại biên nhận bản chính tổng kết nợ 218.900.000đồng và cũng không làm giấy tờ gì cho ông C để thể hiện ông C không còn nợ bà D nên ông C lấy bút lông màu đen viết chồng lên biên nhận nợ 218.900.000đồng dòng chữ *"thanh toán hụi rồi*" và *gạch dấu chéo* lên các khoản nợ để xác định ông C trả nợ rồi, bản chính biên nhận này do bà D giữ không đưa ông C giữ bản nào và hiện Tòa án đã yêu cầu bà D giao nộp bản chính. Bà D thừa nhận là ông C có lấy bút lông màu đen viết chồng lên biên nhận tổng kết nợ 218.900.000đồng dòng chữ *"thanh toán hụi rồi*" và *gạch dấu chéo* lên biên nhận nợ này vào ngày 09/10/2018 âm lịch là ngày ông C trả 195.000.000đồng cho bà D.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định ông C đã trả xong cho bà D khoản nợ 218.900.000đồng thể hiện theo sự thừa nhận của bà D là ông C viết chồng lên biên nhận nợ 218.900.000đồng dòng chữ *"thanh toán hụi rồi*" và *gạch dấu chéo* vào ngày 09/10/2018 âm lịch là ngày ông C trả 195.000.000đồng cho bà D lần sau cùng (biên nhận này chỉ có 01 bản do bà D giữ và Tòa án đã yêu cầu bà D giao nộp bản chính để làm căn cứ giải quyết). Do đó, quyền và nghĩa vụ của các bên đã chấm dứt, ông C không còn nợ gì bà D.

[7] Đối với biên nhận ngày 17/11/2018 mà bà D khởi kiện ông C còn nợ 25.000.000đồng. Biên nhận này được bà D, ông C xác định là biên nhận viết lại từ nội dung của biên nhận nợ cũ 218.900.000đồng đã được gạch xóa bỏ ngày 09/10/2018 âm lịch, chứ các bên không có giao dịch gì mới. Như vậy, trên cơ sở đã thanh toán nợ xong nhưng bà D yêu cầu ông C viết biên nhận còn nợ bà D 25.000.000đồng là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Mặt khác, qua Tòa án xác minh người làm chứng bà L xác định ông C viết biên nhận tại nhà bà L, có bà L và anh N (người chạy xe chở hoa kiểng thuê) chứng kiến ông C có viết văn bản gì đó cho bà D tại cơ sở hoa kiểng M, cả bà L và anh N3 cũng xác định khi viết biên nhận ngày 17/11/2018 thì giữa ông C, bà N và bà D có tranh cải việc bà D cho rằng ông C còn thiếu tiền, còn ông C thì cho rằng đã trả xong tiền cho bà D. Ngoài ra, bà L cũng xác định có nhận chuyển nhượng quyền sử dung đất của

ông C và bà N, tại thời điểm ông C viết biên nhận cho bà D tại nhà bà L thì chỉ còn cách 02 ngày nữa là bà L được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn trước ngày ông C viết biên nhận cho bà D 07 ngày thì bà D (tên gọi khác P) có nhắn tin vào điện thoại của bà L có nội dung là ông C không trả tiền cho tôi (bà D) thì bà D làm đơn gửi một cửa (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố S), không cho bà L nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, xét thấy việc ông C trình bày ông C viết biên nhận ngày 17/11/2018 là viết lại từ biên nhận cũ theo yêu cầu của bà D và việc bà D có hăm dọa ngăn chặn việc chuyển nhượng đất của ông C, bà L là có căn cứ.

[9] Đối với việc bà D cho rằng ông C viết biên nhận ngày 17/11/2018 là viết lại nội dung của phần cuối biên nhận tổng kết nợ 218.900.000đồng vì ông C ghi không rõ, cụ thể nội dung *"Tôi C ở số nhà A1 ấp Đ còn nợ lại số tiền lãi là (hai mươi lăm triệu đồng) ngày 09/10/2018 âm lịch.* Tuy nhiên bà D thừa nhận ông C đã gạch xóa phần này có sự chứng kiến của bà D. HĐXX xét thấy: Nội dung này thể hiện ngày viết là ngày 09/10/2018 âm lịch, nếu bà D cho rằng ông C ghi không rõ thì không có lý do gì đến ngày 17/11/2018 (nhằm ngày 11/10/2018 âm lịch) mới yêu cầu ông C viết lại. Nội dung biên nhận này thể hiện "còn nợ lại số tiền lãi" nhưng bà D cho rằng là *"còn nợ lại số tiền lại"* câu chữ không có ý nghĩa. Mặt khác, nếu có nợ tiền lãi thì bà D cũng không có chứng cứ gì chứng minh là tiền lãi của khoản nợ nào và theo bà D ông C ngoài nợ bà D 218.900.000đồng thì ông C không còn khoản nợ nào khác và nội dung này bà D thừa nhận ông C đã gạch xóa bỏ.

Như vậy, ông C chứng minh đã trả xong cho bà D khoản nợ tổng cộng 218.900.000đồng thể hiện các lần bán cỏ và trả nợ như đã phân tích trên và đã được thể hiện bằng việc ghi chồng lên giấy tổng kết nợ đã *"thanh toán hụi rồi" và bằng dấu gạch chéo* chồng lên biên nhận nợ 218.900.000đồng. Còn biên nhận mà bà D khởi kiện 25.000.000đồng ngày 17/11/2018 được bà D thừa nhận là viết lại từ biên nhận nợ cũ 218.900.000đồng, chứ giữa các bên không có giao dịch gì mới. Do đó, xét thấy bà D yêu cầu ông C trả 25.000.000đồng và tiền lãi theo biên nhận ngày 17/11/2018 là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

[10] Đối với số tiền ông C đã trả cho bà D là 220.862.000đồng, trong khi ông C, bà N nợ bà D là 218.900.000 đồng, thừa 1.920.000đồng thì ông C, bà N không yêu cầu bà D trả lại nên HĐXX không xem xét.

[11] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên HĐXX không chấp nhận.

[12] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH12 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D về việc yêu cầu bị đơn ông C trả số tiền vốn vay, tiền hụi còn thiếu là 25.000.000 đồng và tiền lãi là 6.22.500 đồng. Tổng cộng là 25.622.500 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.281.125 đồng. Đối với số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 641.000 đồng theo biên lai số 0009459 ngày 12/3/2019 được trừ vào số tiền án phí phải nộp, bà D còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 640.125 đồng.

[3] Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận, tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tuấn Em